

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST  
Ngày 05-8-2022  
V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Ma Quốc Thể.

2. Ông Phạm Văn Vượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Trần Thị Minh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Hữu Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Ngọc H** – Sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Tổ 10, phường T, thành phố M, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Hà Hồng Q** – Sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Ngọc H trình bày:*

Ngày 26/5/2019, ông Trần Ngọc H cho anh Hà Hồng Q vay số tiền 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng). Khi cho vay tiền, các bên có lập Giấy vay tiền ghi ngày 26/5/2019 do ông H Hồng Q viết và ký, ghi rõ họ tên vào mục “Người viết giấy”. Các bên thỏa thuận với nhau thời hạn thanh toán là ngày 26/5/2019 và không thỏa thuận tính lãi suất. Đến ngày 26/7/2019, anh Q không thanh toán số tiền đã vay cho ông theo như đã thỏa thuận. Từ khi ông cho anh Q vay tiền đến nay, anh Q chưa thanh toán cho ông được số tiền nào. Ông xác định

anh Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền vay từ ngày 27/7/2019. Do anh Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu anh Hà Hồng Q phải thanh toán cho ông Trần Ngọc H số tiền gốc đã vay là 46.000.000đ và số tiền lãi phát sinh kể từ tháng 8/2019 theo lãi suất 01%/tháng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đối với anh Hà Hồng Q nhiều lần nhưng anh Q không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Qua xác minh cho thấy: Anh Hà Hồng Q có ĐKKHTT tại thôn T1, xã T2, huyện s, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay, anh Q vắng mặt tại địa phương và thỉnh thoảng có về nhà, sau đó lại đi ngay. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành mở phiên hòa giải được vì anh Hà Hồng Q vắng mặt (anh Q đã được triệu tập hợp lệ). Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Bị đơn không chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” của ông Trần Ngọc H đối với anh Hà Hồng Q.

2. Về quan hệ tranh chấp: Xử buộc anh Hà Hồng Q có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Ngọc H số tiền 59.744.800đ (Năm mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm đồng) (Trong đó: Số tiền gốc là: 46.000.000đ; Số tiền lãi phát sinh là 13.744.800đ).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

3. Chi phí tố tụng (Chi phí trưng cầu giám định).

- Ông Trần Ngọc H không phải chịu chi phí tố tụng.

- Anh Hà Hồng Q phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền là 3.030.000đ (Ba triệu không trăm ba mươi nghìn đồng). Cụ thể như sau: Anh Hà Hồng Q có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trần Ngọc H số tiền chi phí trưng cầu giám định là 3.030.000đ (Ba triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) (Số tiền này ông Trần Ngọc H đã nộp tạm ứng trước).

4. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và phần đương sự trình bày tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.**

- Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc H cho anh Hà Hồng Q vay số tiền 46.000.000đ theo Giấy vay tiền ghi ngày 26/5/2019. Đến thời hạn thanh toán tiền theo thỏa thuận, anh Q không thanh toán số tiền vay cho ông H. Ông H khởi kiện yêu cầu anh Q thanh toán số tiền gốc đã vay và tiền lãi phát sinh. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về dân sự quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Hà Hồng Q có ĐKKHTT và cư trú tại xã T2, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ tranh chấp.**

**[2.1] Tính hợp pháp của Giấy vay tiền.**

Đối với Giấy vay tiền ngày 26/5/2019 thể hiện: Anh Hà Hồng Q vay của ông Trần Ngọc H số tiền là 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng). Các bên không thỏa thuận tính lãi suất. Ông H và anh Q thỏa thuận đến ngày 26/7/2019 anh Q sẽ thanh toán toàn bộ số tiền đã vay cho ông H.

Hội đồng xét xử xét thấy Giấy vay tiền ngày 26/5/2019 được ông Trần Ngọc H và anh Hà Hồng Q ký kết với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội, đúng với các quy định của Bộ luật dân sự.

Tại Kết luận giám định số: 510/GĐ-KTHS ngày 09/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang xác định: Chữ viết, chữ ký trên “Giấy vay tiền” ghi ngày 26/5/2019 với chữ viết, chữ ký trên “TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN” số 618928 mang tên Hà Hồng Q (trừ dòng chữ số “618928” tại mục 3 và dòng chữ viết tại mục “18: Dấu vết riêng và dị hình”) là do cùng một người viết và ký.

Do đó, Giấy vay tiền ngày 26/5/2019 hợp pháp, có hiệu lực pháp luật và buộc các bên phải thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình tại Giấy vay tiền đã ký kết.

**[2.2] Yêu cầu của nguyên đơn đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.**

**[2.2.1] Về số tiền nợ gốc.**

Sau khi ký kết Giấy vay tiền ngày 26/5/2019, ông Trần Ngọc H và anh Hà Hồng Q đã thực hiện việc giao tiền cho nhau theo thỏa thuận. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền theo thỏa thuận, anh Hà Hồng Q không thực hiện trả tiền cho ông Trần Ngọc H. Do anh Hà Hồng Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền vay, ông Bùi Văn Hồng đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu anh Hà Hồng Q phải thanh

toán số tiền 46.000.000đ đã vay và tiền lãi phát sinh cho ông Trần Ngọc H là có căn cứ.

Từ những nội dung phân tích nêu trên và tại mục [2.1] phần “NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN” tại bản án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Anh Hà Hồng Q – Sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang có vay của ông Trần Ngọc H – Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Tổ 10, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang số tiền 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Từ khi ông Trần Ngọc H cho anh Hà Hồng Q vay tiền đến nay, anh Q chưa thanh toán cho ông H được số tiền nào. Do vậy, xác định số tiền nợ gốc đến thời điểm hiện tại là 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng).

### **[2.2.2] Về lãi suất.**

Theo Giấy vay tiền ghi ngày 26/5/2019 thể hiện các bên không thỏa thuận lãi suất khoản tiền vay. Thời hạn thanh toán là ngày 26/7/2019. Đến ngày hết ngày 26/7/2019, anh Q không thanh toán số tiền vay cho ông H theo như đã thỏa thuận. Từ thời điểm đó đến nay, anh Q cũng không thanh toán thêm cho ông H số tiền nào, giữa các bên cũng không có thỏa thuận gì khác. Do vậy, xác định thời điểm anh Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền vay của ông H là từ ngày 27/7/2019. Tính đến thời điểm khởi kiện, vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện. Ông H đề nghị tính lãi suất từ tháng 8/2019 cho đến khi anh Q thanh toán xong khoản nợ với lãi suất 01%/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi các bên cho nhau vay tiền không thỏa thuận tính lãi suất và thời hạn khởi kiện của vụ án vẫn còn. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”*. Lãi suất ông H yêu cầu (01%/tháng tương đương với 12%/năm) cao hơn với lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu. Do vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về phần lãi suất, xác định tính lãi suất khoản tiền anh Q đã vay của ông H theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự với mức lãi suất là 10%/năm (tương ứng với 0,83%/tháng) là phù hợp, có căn cứ.

Đối với yêu cầu về thời điểm tính lãi suất: Thời điểm anh Hà vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 27/7/2019. Ông H yêu cầu tính lãi suất từ tháng 8/2019. HĐXX xét thấy, yêu cầu của ông H phù hợp với thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên cần chấp nhận là có căn cứ.

Số tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm anh Hà Hồng Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến thời điểm xét xử là:  $36 \text{ tháng} \times 46.000.000\text{đ} \times 0,83\%/\text{tháng} = 13.744.800\text{đ}$  (mười ba triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm đồng).

### **Từ những phân tích và nhận định nêu trên.**

Tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh đến thời điểm hiện tại là 59.744.800đ (Năm mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc H buộc anh Hà Hồng Q phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi phát sinh đến thời điểm hiện tại cho ông Trần Ngọc H là 59.744.800đ (Năm mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm đồng) là hoàn toàn hợp lý, có cơ sở theo các quy định tại Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc H.

### **[2.3] Về chi phí tố tụng.**

Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành trưng cầu giám định. Chi phí trưng cầu giám định là 3.030.000đ (Ba triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

Do yêu cầu của ông Trần Ngọc H được chấp nhận nên anh Hà Hồng Q phải chịu toàn bộ chi phí trưng cầu giám định. Ông Trần Ngọc H đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng nên buộc anh Hà Hồng Q phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trần Ngọc H số tiền chi phí tố tụng là 3.030.000đ.

Theo quy định tại Điều 161 và Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

### **[3] Về án phí.**

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc H được chấp nhận, do vậy:

- Ông Trần Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho ông Trần Ngọc H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp là 1.426.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001731 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh Hà Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.987.240đ.

Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Ông Trần Ngọc H; anh Hà Hồng Q được quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Áp dụng:**

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” của ông Trần Ngọc H đối với anh Hà Hồng Q.

2. Về quan hệ tranh chấp: Buộc anh Hà Hồng Q phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Trần Ngọc H số tiền **59.744.800đ** (*Năm mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm đồng*) (Trong đó: Số tiền gốc là **46.000.000đ**; Số tiền lãi phát sinh là **13.744.800đ**).

Người nhận tiền là ông Trần Ngọc H - Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Tổ 10, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

3. Chi phí tố tụng (Chi phí trưng cầu giám định):

- Ông Trần Ngọc H không phải chịu chi phí tố tụng.  
- Anh Hà Hồng Q phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền là **3.030.000đ** (*Ba triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*). Cụ thể như sau: Anh Hà Hồng Q có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Trần Ngọc H số tiền chi phí trưng cầu giám định là **3.030.000đ** (*Ba triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*) (Số tiền này ông Trần Ngọc H đã nộp tạm ứng trước).

4. Về án phí:

- Ông Trần Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho ông Trần Ngọc H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp là **1.426.000đ** (*Một triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001731 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Anh Hà Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **2.987.240đ** (*Hai triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi đồng*).

5. Quyền kháng cáo:

- Ông Trần Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/8/2022).

- Anh Hà Hồng Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Cường**